SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
Địa chỉ: Tổ 8, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

5 233912026 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1
2	Địa chỉ	Đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
3	Nội dung	Lấy mẫu, phân tích lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2026
4	Kế hoạch	1.19.2
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	**NT-1.19.2-1**
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o49'24,3" Vĩ độ: 21o28'22,4"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	02/06/2026
11	Ngày phân tích	03/6/2026 đến 10/6/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					A	B
1	Lưu lượng	MCRE-SOP-NC.53	m3/h	8,0	-	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,8	6-9	5,5-9
3	BOD_5	SMEWW 5210B:2023	mg/L	4,96	30	50
4	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	<15	75	150
5	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	<10	50	100
6	As	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0054	0,05	0,1
7	Hg	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	0,005	0,01
8	Pb	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,004	0,1	0,5
9	Cd	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,001	0,05	0,1
10	Cr(VI)	TCVN 6658:2000	mg/L	<0,01	0,05	0,1
11	Cr(III)	TCVN 6658:2000 & SMEWW3125B:2023	mg/L	<0,01	0,2	1
12	Zn	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,01	3	3
13	Fe	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,12	1	5
14	CN^-	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	mg/L	<0,01	0,07	0,1
15	S^{2-}	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,05	0,2	0,5
16	NH_4^+-N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10

Scanned with CamScanner

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
Địa chỉ: Tổ 8, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

§ 2339/2026 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					A	B
17	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	17,44	20	40
18	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/L	1,58	4	6
19	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/L	<2,5	5	10
20	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100mL	KPH	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 6 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Trịnh Đức Cường	Phạm Thị Thanh Thúy	Phạm Văn Đức

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (giá trị so sánh của các thông số trong quy chuẩn chưa được áp dụng hệ số K_q; K_f)*

Scanned with CamScanner

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
Địa chỉ: Tổ 8, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

2339a/2026 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1
2	Địa chỉ	Đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
3	Nội dung	Lấy mẫu, phân tích lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2026
4	Kế hoạch	1.19.2
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	**KK-1.19.2-1**
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực xưởng đúc mặt bằng 2
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o49'32,1" Vĩ độ: 21o28'23,9"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	02/06/2026
11	Ngày phân tích	03/6/2026 đến 10/6/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	$\mu g/Nm^3$	94	-
2	CO	QTC-PT01	$\mu g/Nm^3$	<15000	40000
3	NO_2	TCVN 6137:2009	$\mu g/Nm^3$	<80	10000
4	SO_2	TCVN 5971:1995	$\mu g/Nm^3$	<45	10000

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 6 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Trịnh Đức Cường	Phạm Thị Thanh Thúy	Phạm Văn Đức

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *MCRE-SOP-KK: Quy trình nội bộ hướng dẫn lấy và bảo quản mẫu*
- *QTC-PT: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích mẫu*
- *QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi*
- *QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc*

Scanned with CamScanner